

**VN-Index**  
1023,94 -6,67%  20  12  478

**XU HƯỚNG DÒNG TIỀN**

**DỊCH BỆNH QUAY TRỞ LẠI, TÂM LÝ BÁN THÁO BAO PHỦ TOÀN THỊ TRƯỜNG**



Ngay từ đầu phiên sáng, lượng bán đã được chất kéo chỉ số giảm mạnh, xuyên thủng mốc 1032 điểm. Thông tin về Covid-19 chỉ là giọt nước làm tràn ly nhưng đã góp phần đẩy tâm lý hoảng loạn lên mức cực điểm. Các cổ phiếu từ vốn hóa lớn tới nhỏ đều nằm chật sần và không hề có động lực hồi phục. Kết phiên chỉ số giảm hơn 70 điểm với 478 mã giảm điểm và 20 mã tăng điểm. Các mã ngân hàng, bảo hiểm trắng bên mua như MBB, VCB, CTG, BVH, BIC ... Trái ngược với động thái của NĐT trong nước, khối ngoại gom mạnh với GTGD 482,09 tỷ đồng, tập trung vào các mã như HPG, VHM, STB, MSN ... Tính đến thời điểm hiện tại, VN-Index đã có 3 phiên giảm mạnh liên tiếp. Dấu hiệu tiêu cực ngày một rõ rệt

**Hnx-Index**  
220,79 -8,04%  29  17  214

**PHÂN TÍCH KỸ THUẬT**



Mở cửa tạo gap giảm lớn và không thể lấp gap trong phiên, VN-Index tiếp tục giảm mạnh, cộng hưởng với những tin tức tiêu cực từ Covid, khiến chỉ số không hề có chút dấu hiệu phục hồi, kết phiên ở mức 1023 điểm. 3 phiên giảm mạnh liên tiếp trong tuần này khiến các mốc hỗ trợ liên tục bị phá vỡ. Ngưỡng hỗ trợ hiện tại đang là vùng 1000 điểm.

**CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH**

3 phiên giảm mạnh liên tiếp, thị trường đang liên tục phá vỡ các mốc hỗ trợ quan trọng trong ngày. Các cổ phiếu ngày hôm nay nằm sần cứng, không hề có dấu hiệu bật tăng phục hồi. Như mọi khi, khối ngoại mua ròng tích cực khi cổ phiếu bị bán tháo. Với tình hình hiện tại, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư bình tĩnh, quan sát thị trường, sàng lọc cổ phiếu để lựa chọn thời điểm thích hợp giải ngân. Có thể mua thăm dò khi chỉ số về vùng 950 điểm. Chúc Quý nhà đầu tư có một ngày giao dịch tốt lành.

**Analyst: Lê Nguyễn Đình Huỳnh. Email: Huynh.le@vfs.com.vn**

### DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mua	Ngày mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá bán	Ngày bán	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	HPG	42.3	22.9	5/8/2020	30.5	20			84.7%	

### DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ CHÓT

STT	Mã cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mua	Ngày mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá bán	Ngày bán	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	REE	36.9	33.8	05-08-20	38	32.7	37.2	31-08-20	10.1%	Gần giá mục tiêu, KC mạnh
2	FPT	49.5	46.3	05-08-20	53	43.5	50.3	31-08-20	8.6%	Cổ tức 10% TM 17/08/20
3	VHC	38.1	36.6	13-08-20	34.3	23.5	38.8	31-08-20	6.0%	Tăng tỷ trọng tiền mặt
4	CMX	14.9	13.64	13-08-20	19	14	15.2	31-08-20	11.4%	CP thưởng 10:1 ngày 26/08/2020
5	VCB	83.6	82	13-08-20	63	41.2	84.5	07-09-20	3.0%	Tăng tỷ trọng tiền mặt
6	PHR	56.5	53.2	13-08-20	42	35	58	31-08-20	9.0%	Tăng tỷ trọng tiền mặt
7	SJS	22.9	22.2	24-08-20	28	21	23	04-09-20	3.6%	Tăng tỷ trọng tiền mặt
8	PLX	52.5	46.9	24-08-20	65	45	53.1	31-08-20	13.2%	Tăng tỷ trọng tiền mặt
9	PVB	17.9	16.3	24-08-20	24	15	18.1	31-08-20	11.0%	Cổ tức 10% tiền mặt 24/09/2020
10	MBB	17.7	17.4	24-08-20	24	17	18.05	07-09-20	1.7%	CP có dấu hiệu suy yếu
11	PVD	11.3	10.55	24-08-20	19	10	11.55	04-09-20	9.5%	Tăng tỷ trọng tiền mặt
12	PVS	12.7	12.2	24-08-20	24	11.5	12.9	04-09-20	5.7%	Tăng tỷ trọng tiền mặt
13	CTD	76.2	78.2	24-08-20	111	75	76	01-09-20	-2.6%	Cổ tức 30% 28/08/2020, CP suy yếu
14	MSN	54.6	52.8	24-08-20	65	48.5	56.6	07-09-20	7.2%	CP có dấu hiệu suy yếu
15	GEX	25.95	21.3	25-08-20	28	20	25.95	07-09-20	21.8%	Đã tăng hơn 20% kể từ điểm mua

**DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ CHÓT**

STT	Mã cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mua	Ngày mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá bán	Ngày bán	Tỷ lệ %	Ghi chú
16	VEA	44.3	43.5	25-08-20	60	40	45	04-09-20	3.4%	Tăng tỷ trọng tiền mặt
17	DHC	45	44.4	09-09-2020	50	43.5	45.7	23-09-20	2.9%	CP có dấu hiệu suy yếu, tăng tỷ trọng tiền mặt
18	VIC	93	91.2	14/09/2020	110	90	94	25/09/2020	3.1%	Tăng tỷ trọng tiền mặt
19	KDH	24.2	24.4	22/09/2020	28	23.8	24.35	25/09/2020	-0.2%	Cổ phiếu suy yếu & TT rủi ro
20	VNM	127.7	110	5/8/2020	132	103.5	127.7	25/09/2020	16.1%	Tăng tỷ trọng tiền mặt
21	MPC	31.2	26.7	25/8/2020	34	25.5	31.8	25/09/2020	19.1%	Tăng tỷ trọng tiền mặt
22	KDC	36.5	34.9	9/9/2020	39	32.5	37	29/09/2020	6.0%	Thị trường chung xấu
23	VRE	27.8	28.75	23/09/2020	35	27.3	28	29/09/2020	-3.3%	Thị trường chung xấu
24	MWG	104.3	76.5	5/8/2020	112	71.44	104.3	30/09/2020	36.3%	Chốt lời bảo toàn lợi nhuận
25	PNJ	61.2	59.6	14/09/2020	78	58	61.2	05/10/2020	2.7%	Thị trường rủi ro
26	CTR	45.6	41.4	14/09/2020	48	40.5	45.90	08/10/2020	10.9%	Thị trường rủi ro
27	DCM	12.4	12.5	4/11/2020	15	11.3	12.50	18/11/2020	0%	Cổ phiếu không hiệu quả
28	DPM	17.2	17	4/11/2020	21	16.3	17.2	20/11/2020	1.2%	Cổ phiếu không hiệu quả
29	CTR	62.9	47.5	4/11/2020	70	46	62.9	25/11/2020	32.4%	Đạt mục tiêu lợi nhuận 30%
30	DGC	47.9	45.4	11/11/2020	56	43.5	47.9	25/11/2020	5.5%	Hạ tỷ trọng cổ phiếu
31	CTG	34	30.3	4/11/2020	38	28	34	10/12/2020	12.2%	Chốt do đạt giá mục tiêu
32	PHR	62.5	57.1	4/11/2020	70	54	62.5	10/12/2020	9.5%	Cổ tức tiền mặt 2.500 đồng
33	DXG	14.7	11.9	4/11/2020	15	11	14.85	17/12/2020	23.5%	Chốt do đạt giá mục tiêu
34	MWG	115.2	106.1	11/11/2020	120	102	115.2	17/12/2020	8.6%	Chốt do đạt giá mục tiêu
35	BCM	41.5	40.2	10/12/2020	64	39	41.5	17/12/2020	1.7%	Thị trường rủi ro
36	TLG	39.2	38.3	10/12/2020	47	38	39.2	17/12/2020	2.3%	Thị trường rủi ro
37	MWG	121	119.3	01/05/2020	160	118	121	19-01-21	1.4%	Thị trường tạo đỉnh
38	TV2	54.1	53.4	06/01/2020	64	51	56.80	19-01-21	1.3%	Thị trường tạo đỉnh
39	TCB	33.9	23	20/10/2020	26	20.9	35.9	19-01-21	47.4%	Thị trường tạo đỉnh
40	VSC	57.8	42.1	4/11/2020	48	38	60	19-01-21	37.3%	Thị trường tạo đỉnh
41	CTR	88	55	2/12/2020	80	54	90	19-01-21	60.0%	Cổ phiếu overvalue, thị trường tạo đỉnh
42	GTN	27.85	28.15	11/01/2020	34	26	27.85	19-01-21	-1.1%	Thị trường tạo đỉnh, rủi ro
43	VCS	86	87	11/01/2020	100	84.8	86	19-01-21	-1.1%	Thị trường tạo đỉnh, rủi ro

## TIN TỨC NỔI BẬT

### GIAO DỊCH NƯỚC NGOÀI TRÊN HSX

### Bất ngờ vốn ngoại vào Việt Nam sụt giảm hơn 60% tháng đầu năm 2021

Thời báo Kinh tế Sài Gòn | 2021-01-28T00:00:00

Khá bất ngờ khi nguồn vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam được Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI) tổng hợp cho thấy bị sụt giảm đến hơn 60% so với kết quả của cùng kỳ năm ngoái, chỉ đạt hơn 2 tỉ đô la Mỹ.

Cụ thể theo MPI, tính từ đầu năm 2021 đến ngày 20-1 vừa qua, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn, mua cổ phần (GVMCP) của nhà đầu tư nước ngoài (ĐTNN) chỉ đạt gần 2,02 tỉ đô la, bằng 37,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Vốn thực hiện của dự án FDI ước đạt 1,51 tỉ đô la, tăng 4,1% so với cùng kỳ.

Kết quả này hoàn toàn trái ngược với sự nhộn nhịp về việc ký kết, trao cấp phép đầu tư, và tìm kiếm cơ hội đầu tư của nhiều nhà đầu tư nước ngoài ở nhiều tỉnh thành trong tháng đầu năm 2021, cũng như những thông tin tốt về cơ hội thu hút đầu tư của Việt Nam do đại dịch Covid-19 và sự dịch chuyển đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài từ Trung Quốc do chiến tranh thương mại Mỹ-Trung...

Cụ thể theo số liệu thống kê của MPI, trong tháng 1 này cả nước có 47 dự án FDI mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giảm 81,8% so với cùng kỳ, tổng vốn đăng ký đạt trên 1,3 tỉ đô la, giảm 70,3% so với cùng kỳ. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổng vốn đăng ký giảm mạnh so với cùng kỳ do trong tháng 1-2020 có dự án Nhà máy điện khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) Bạc Liêu với tổng vốn đầu tư 4 tỉ đô la được cấp phép. Trong khi đó, trong tháng đầu tiên của năm 2021 này, dự án Nhà máy Kodi New Material Việt Nam (Singapore), vốn đầu tư đăng ký 270 triệu đô la với mục tiêu sản xuất, gia công máy tính bảng và máy tính xách tay tại tỉnh Bắc Giang là dự án FDI mới có vốn đăng ký lớn nhất. Nếu không tính dự án LNG Bạc Liêu theo MPI, tổng vốn FDI đầu tư mới đăng ký tháng 1-2021 sẽ tăng 51,7% so với cùng kỳ.

Về vốn điều chỉnh, có 46 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư, giảm 40,3% so với cùng kỳ, tổng vốn đăng ký tăng thêm đạt trên 472,2 triệu đô la, tăng 41,4% so với cùng kỳ.

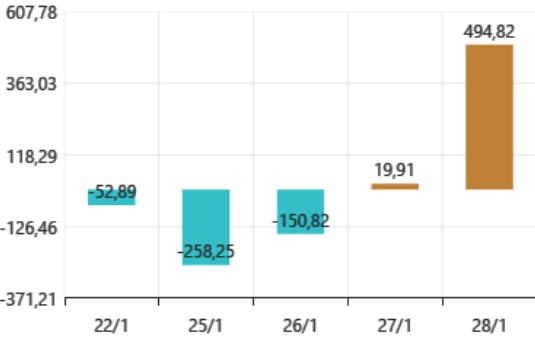
Đối với góp vốn, mua cổ phần, có 194 lượt GVMCP của nhà ĐTNN, giảm 78,1% so với cùng kỳ, tổng giá trị vốn góp 220,8 triệu đô la, giảm 58,7% so với cùng kỳ.

Trong tháng đầu năm, các nhà ĐTNN đã đầu tư vào 14 ngành lĩnh vực, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt gần 1,54 tỉ đô la, chiếm 76,4% tổng vốn đầu tư đăng ký.

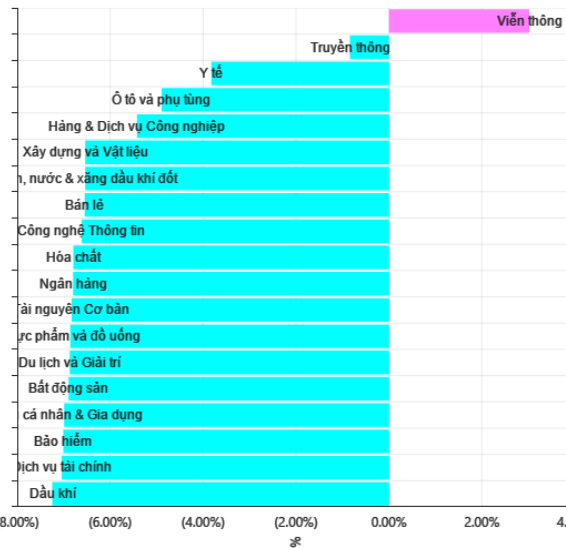
Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư gần 179 triệu đô la, chiếm 8,9% tổng vốn đầu tư đăng ký. Tiếp theo lần lượt là các lĩnh vực vận tải kho bãi, nông lâm nghiệp thủy sản với tổng vốn đăng ký gần 111,9 triệu đô la và 60,4 triệu đô la.

Theo đối tác đầu tư, đã có 33 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam, trong đó Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư 680,7 triệu đô la, chiếm 33,8% tổng vốn đầu tư. Trung Quốc đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư 618 triệu đô la, chiếm 30,6% tổng vốn đầu tư. Hồng Kông đứng thứ ba với tổng vốn đầu tư đăng ký 221,3 triệu đô la, chiếm gần 11% tổng vốn đầu tư. Tiếp theo là Hoa Kỳ, Hà Lan, Hàn Quốc,...

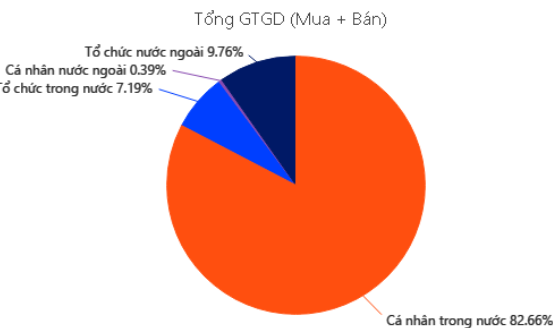
Giao dịch NĐTNN - Ngày



### TĂNG, GIẢM NGÀNH TRONG NGÀY



### GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ



**THÔNG KÊ TRONG NGÀY**

Ngày	Mã phái sinh	+/-	Mở cửa	Đóng cửa	Thấp nhất	Cao nhất	Khớp lệnh	
							Khối lượng (Hợp đồng)	Giá trị (tỷ VNĐ)
28/01/2021	VN30F2102	-75.70 (-7%)	1045	1006.5	1050	1006.5	154,602	
28/01/2021	VN30F2103	-76.30 (-7%)	710	723	732	1013.8	756	
28/01/2021	VN30F2106	-75.90 (-7%)	709.9	720	725.9	1009.1	844	
28/01/2021	VN30F2109	-76.20 (-6.99%)	710	716	724.8	1013.7	132	

TOP 5 TĂNG GIÁ HSX					TOP 5 GIẢM GIÁ HSX				
Mã	Giá ĐC	+/-	KLGD (CP)	GTGD (Tr VNĐ)	Mã	Giá ĐC	+/-	KLGD (CP)	GTGD (Tr VNĐ)
NAV	20,65	+1,35/+6,99%	900.000		OCB	18,35	-4,55/-19,87%	7.273.800	
OPC	61,70	+4,00/+6,93%	8.800		CSV	27,90	-2,10/-7,00%	798	
VAF	10,20	+0,66/+6,92%	11.500		DGW	65,10	-4,90/-7,00%	504	
CEE	17,10	+1,10/+6,88%	2.200		VIC	93,00	-7,00/-7,00%	1.742.900	
SVC	74,80	+4,80/+6,86%	100.000		DBC	46,50	-3,50/-7,00%	3.023.700	

TOP 5 TĂNG GIÁ HNX					TOP 5 GIẢM GIÁ HNX				
Mã	Giá ĐC	+/-	KLGD (CP)	GTGD (Tr VNĐ)	Mã	Giá ĐC	+/-	KLGD (CP)	GTGD (Tr VNĐ)
HBE	8,80	+0,80/+10,00%	100		S55	28,80	-3,20/-10,00%	15	
MED	38,50	+3,50/+10,00%	400		TKU	12,60	-1,40/-10,00%	400	
NBW	19,90	+1,80/+9,94%	300		HLY	49,50	-5,50/-10,00%	100	
HCT	17,70	+1,60/+9,94%	200		DXP	13,50	-1,50/-10,00%	393	
L40	20,00	+1,80/+9,89%	200		PVS	15,30	-1,70/-10,00%	16.714.800	

TOP MUA RÒNG HSX					TOP BÁN RÒNG HSX				
Mã	Giá ĐC	+/-	KLGD (CP)	GTGD (Tr VNĐ)	Mã	Giá ĐC	+/-	KLGD (CP)	GTGD (Tr VNĐ)
HPG	37,50	-2,80/-6,95%	1.848.100	68.495.831	PAC	26,40	-1,60/-5,71%	-1.387.010	-36.693.414
VHM	87,40	-6,50/-6,92%	574	49.825.331	VNM	96,10	-7,20/-6,97%	-175	-16.647.335
STB	16,05	-1,20/-6,96%	2.025.300	31.718.986	VCB	90,60	-6,80/-6,98%	-185	-16.056.448
MSN	85,30	-6,40/-6,98%	314	26.759.194	MBB	22,35	-1,65/-6,88%	-708	-14.917.489
VIC	93,00	-7,00/-7,00%	292	26.633.985	FCN	11,30	-0,80/-6,61%	-804	-8.951.176

## HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VIETFIRST

Hệ thống khuyến nghị của VFS được xây dựng dựa trên sự chênh lệch giữa giá cổ phiếu thị trường tại thời điểm đánh giá và giá mục tiêu 12 tháng

Hệ thống khuyến nghị	Diễn giải
MUA	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 15% trở lên
THEO DÕI	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 5 – 15%
NẮM GIỮ	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường không quá 5%
BÁN	Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường tối thiểu 5%

## © CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT (VFS)

### Hội sở Hồ Chí Minh

Tòa nhà Central Park, lầu 1, 117 - 119 - 121 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: (84-8) 62556586 Fax: (84-8) 62556580

Website: [www.vfs.com.vn](http://www.vfs.com.vn)

### Chi nhánh Hà Nội

Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisor place, 41A Lý Thái Tổ, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 39288222 – Ext: 117 Fax: (84-4) 39338222

-----  
----  
**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt (VFS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VFS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VFS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VFS.